

Bản án số: 23/2019/HSST  
Ngày: 21/6/2019.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Ngọc Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Đến
2. Ông Vương Hoàng Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Bảo Trân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Liệt, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:19/2019/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2019/QĐXXST-HS ngày 27/5/2019 đối với bị cáo:

Hồng Quốc T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1995; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Văn T1, sinh năm 1964 (đã chết) và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1972; Anh chị em ruột: không có; Tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông Đặng Văn R, sinh năm 1950 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1950 (vợ bị hại);
- Anh Đặng Hùng S, sinh năm 1970 (con ruột bị hại);
- Anh Đặng Thanh V, sinh năm 1982 (con ruột bị hại);

Cùng nơi cư trú: số 46, đường T, khóm 10, phường 6, thành phố T, tỉnh T.

- Chị Đặng Thị Tuyết V1, sinh 1972 (con ruột bị hại);

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Chị Đặng Thùy T3, sinh năm 1978 (con ruột bị hại)

Nơi cư trú: số 115<sup>B</sup>, đường T, khóm 1, phường 6, thành phố T, tỉnh T. Anh V, chị T3, chị V1, anh S đồng ủy quyền cho bà Lê Thị C đại diện tham gia tố tụng (bà C có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1972 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T.

2/ Công ty B Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: số 335, đường P, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 25/12/2018, Hồng Quốc T được mẹ ruột là Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1972, nơi cư trú ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T kêu điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 84C-047.66 đến chợ C thuộc xã L, huyện C, tỉnh T để giao thịt heo cho khách hàng. Sau khi giao thịt xong, T điều khiển xe ô tô tải 84C – 047.66 trên Quốc lộ 53 hướng thành phố T đi huyện C, để về nhà. Đến khoảng 04 giờ 55 phút cùng ngày, T điều khiển xe đến Km 56 + H7, Quốc lộ 53 thuộc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T thì T phát hiện Đặng Văn R, sinh năm 1950, nơi cư trú số 46 đường T, khóm 10, phường 6, thành phố T, tỉnh T đang điều khiển xe đạp điện chạy cùng chiều phía trước nên T đánh tay lái sang trái để tránh nhưng đầu xe ô tô bên phải do T điều khiển đụng vào phía sau xe đạp điện do ông R điều khiển. Tai nạn xảy ra, làm cho ông R bị thương nặng, được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh cấp cứu, sau đó được chuyển đến Bệnh viện C tại thành phố H tiếp tục điều trị đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 27/12/2018 thì tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 412/KLGD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: nguyên nhân dẫn đến tử vong đối với Đặng Văn R là do đa chấn thương.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 25/12/2018, biên bản kiểm tra và xác định dấu vết hiện trường ngày 24/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, xác định nơi xảy ra tai nạn tại Km 56 + H7 trên Quốc lộ 53 thuộc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T, trên một đoạn đường thẳng được trải nhựa, có vạch kẻ tim đường đứt quãng để phân chia thành hai chiều xe chạy, mặt đường rộng 11 mét. Nơi xảy ra tai nạn không có biển báo hiệu đường bộ.

Tại báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 08/01/2019 của Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xác định lỗi chính trong vụ tai nạn này là do Hồng Quốc T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 84C – 047.66 không chú ý quan

sát đã đụng vào xe đạp điện đang lưu thông cùng chiều phía trước, vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Đối với ông Đặng Văn R điều khiển xe đạp điện đi bên phải theo chiều đi của mình nên không có lỗi. Hồng Quốc T điều khiển xe gây tai nạn có giấy phép lái xe hạng B2 theo quy định.

Trong quá trình điều tra, Hồng Quốc T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; đại diện hợp pháp của người bị hại Đặng Văn R có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

\* Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ, hướng xử lý vật chứng gồm:

- 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 84C – 047.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô tải biển kiểm soát 84C – 047.66. Trong quá trình điều tra xác định đây là xe của bà Nguyễn Thị Ngọc T2 cho nên trả lại các vật chứng cho chủ sở hữu;

- 01 xe đạp điện trả lại cho người đại diện hợp pháp của ông Đặng Văn R là bà Lê Thị C.

- 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 840140000508 của Hồng Quốc T, do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp, sẽ đề nghị trả lại cho Hồng Quốc T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ án, do tác động của bị cáo nên mẹ ruột của bị cáo Hồng Quốc T là bà Nguyễn Thị Ngọc T2 đã khắc phục hậu quả cho gia đình ông Đặng Văn R với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hiện nay người đại diện hợp pháp cho ông Đặng Văn R là bà Lê Thị C không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại cho bị cáo.

Số tiền 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc T2 bồi thường cho ông Đặng Văn R. Đối với số tiền này bà T2 không có yêu cầu bị cáo Hồng Quốc T phải trả lại nên không xem xét.

Đối với phần thiệt hại về tài sản là chiếc xe ô tô tải bị hư hỏng do tai nạn. Công ty Bảo hiểm T đã bồi thường xong nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS.HS ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Hồng Quốc T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hồng Quốc T thừa nhận bản cáo trạng xác định hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, bị cáo không bổ sung gì thêm nội dung bản cáo trạng.

Cũng tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo và căn cứ tính chất mức độ, hành vi phạm tội

của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Vị đề nghị xử phạt bị cáo Hồng Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày tuyên án.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông chết người là vào khoảng 04 giờ 55 phút, ngày 25/12/2018, Hồng Quốc T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 84C-047.66 đến Km 56 + H7, Quốc lộ 53 thuộc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T thì bị cáo T phát hiện ông Đặng Văn R đang điều khiển xe đạp điện chạy cùng chiều phía trước, hướng thành phố T đi huyện C nên bị cáo T đánh tay lái sang trái để tránh nhưng đầu xe ô tô bên phải do bị cáo T điều khiển đụng vào phía sau xe đạp điện do ông R điều khiển. Tai nạn xảy ra, làm cho ông R bị thương nặng, được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T cấp cứu, sau đó được chuyển đến Bệnh viện C tại thành phố H tiếp tục điều trị đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 27/12/2018 thì tử vong do đa chấn thương. Hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu cơ quan điều tra đã thu thập được đủ cơ sở xác định bị cáo Hồng Quốc T đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ mà còn gây cho gia đình người bị hại sự mất mát, tổn thất về tinh thần do mất người thân trong gia đình. Bị cáo thực hiện do lỗi vô ý, thiếu quan sát hậu quả xảy ra nghiêm trọng làm chết ông Đặng Văn R, gây thiệt hại về tài sản là xe ô tô tải và xe đạp điện bị hư hỏng nặng, đồng thời tác động xấu đến trật tự an toàn giao thông tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, được đại diện gia đình bị hại làm đơn xin bãi nại cũng như xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu theo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đã đủ nghiêm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồng Quốc T cùng mẹ ruột là chủ xe ô tô tải tích cực khắc phục xong số tiền 200.000.000 đồng cho gia đình ông Đặng Văn R nên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Lê Thị C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T2 không có ý kiến hay yêu cầu đối với số tiền 200.000.000đ đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 84C – 047.66 có tham gia bảo hiểm bắt buộc tai nạn dân sự của Công ty Bảo hiểm T. Tại phiên tòa Công ty Bảo hiểm T có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản chi trả bồi thường cho chủ xe Nguyễn Thị Ngọc T2 xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng và xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe hạn B2 số 840140000508 của Hồng Quốc T, do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 05/4/2016 cần xử trả lại cho bị cáo T là phù hợp.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Hồng Quốc Tài phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Hồng Quốc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hồng Quốc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03(ba) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 6 năm 2019.

Giao bị cáo Hồng Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo Hồng Quốc T 01 giấy phép lái xe hạn B2 số 840140000508, ngày 05/4/2016 mang tên Hồng Quốc T, do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp. Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 68/QĐ-VKS-HS, ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hồng Quốc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho bị cáo và các đương sự biết có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Công ty B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đang sự cư trú.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Công an huyện C;
- Những người TGT;
- Sở tư pháp tỉnh TV;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Kim Thị Ngọc Thu**

